

LUẬT GIA VÀ ĐỐI THOẠI

Luật gia, Trưởng ban Pháp chế VCCI, ông Trần Hữu Huỳnh:

CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH VỚI DNDD KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ NHỮNG VẬN DỤNG CHƯA THẬT NHẤT QUÁN

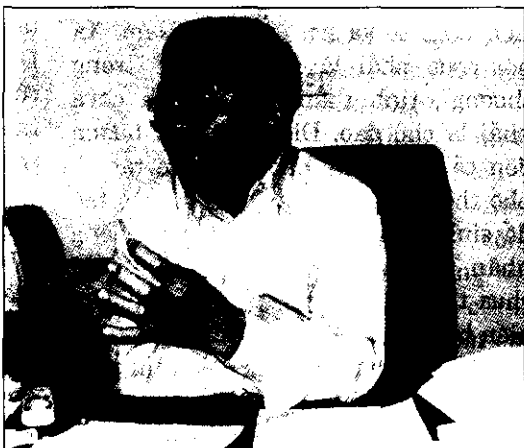
LTS: Khu vực kinh tế dân doanh đang phát triển mạnh mẽ tại Việt Nam, nhưng thực tế cũng cho thấy bộc lộ những yếu tố cản trở sự phát triển của kinh tế dân doanh.

Là một chuyên gia luật, chuyên hỗ trợ doanh nghiệp về pháp lý, Luật gia Trần Hữu Huỳnh đã có nhiều suy nghĩ về vấn đề này. Tạp chí Pháp lý số cuối tháng kỳ này, chúng tôi xin giới thiệu tới bạn đọc một số thông tin và quan điểm của ông xung quanh vấn đề thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp dân doanh (DNDD) trong giai đoạn hiện nay.

PV: Trong hướng hội nhập ngày càng sâu hơn vào nền kinh tế thế giới, các DNDD của Việt Nam dường như chưa theo kịp cơ hội mà xu hướng mở cửa mang đến. Xin ông đánh giá đôi nét về loại hình DN này trong mấy năm qua?

Ông Trần Hữu Huỳnh: Nhận định thứ nhất của tôi là khu vực DNDD đang lớn mà biểu hiện thứ nhất là hiện nay trên thương trường có khoảng hơn 300 nghìn DN đang hoạt động. Thứ hai đó là loại hình DN này giải quyết được nhu cầu công ăn việc làm khá lớn của xã hội, với địa bàn hoạt động rất rộng,

THÁI BẢO - HAI THANH



Ông Trần Hữu Huỳnh

vùng sâu vùng xa mà các khu vực kinh tế khác khó vươn tới được. Trong khi khu vực DNDD cũng như cơ quan nhà nước không tiếp nhận thêm được bao nhiêu thì khu vực DNDD đã giải quyết tốt bài toán thiếu việc làm hiện nay. Thứ ba là mặc dù đầu tư của Nhà nước đối với DNDD là ít, nhưng DNDD đang có xu hướng phát triển tốt. Thứ tư là chỉ số ICOR ở khối này thấp hơn, điều đó cho thấy là đầu tư có hiệu quả hơn.

Khu vực DNDD có mấy hạn chế chủ yếu sau đây: Một là số lượng có tăng như đã nói ở trên nhưng chưa phản ánh đúng tiềm năng, nguồn lực còn rất lớn trong dân. Thứ hai, phần lớn là có quy mô nhỏ: nhỏ về vốn, ít về

lao động, lạc hậu về công nghệ, yếu về quản trị DN và hạn chế về khả năng cạnh tranh trên trường quốc tế. Thứ ba là ít có các DN lớn lên được về quy mô, chất lượng. Trong top 500 DN hàng đầu của Việt Nam, thì số DN thuộc khu vực DNDD là rất ít.

Vậy theo ông, những hạn chế nào tác động lên khu vực DNDD trong thời gian qua là chủ yếu?

Nói về hạn chế, thì điều đầu tiên cần nói đến là những hạn chế này của DN đã phản ánh hạn chế trong thực tiễn kinh tế xã hội của Việt Nam. Xã hội chưa phải là một xã hội "trọng thương", tinh thần kinh doanh chưa phải là chủ đạo. Điều này ảnh hưởng đến cả hệ thống giáo dục, đào tạo từ phổ thông, đại học, dạy nghề. Đào tạo để sinh viên trở thành những thương nhân, những nhà kinh doanh lớn thì chưa thực hiện được, tuy đã có chuyển biến bước đầu.

Về nguyên nhân chủ quan thì phía các DN có một số vấn đề cần đáng quan tâm. Trong đó, nguyên nhân lớn nhất là DN chưa chú ý đúng mức đến quản trị DN, chủ yếu là thiên về quản trị theo kiểu gia đình hoặc quan hệ xã hội khác, không dựa trên công khai, minh bạch, lấy pháp luật làm cơ sở.. Điều này khiến cho DN không thu hút được vốn bên ngoài, không lớn lên được, thiên về ngắn hạn, cò con mà có nhiều người ví von gọi là "hải đoàn thuyền thúng".

Còn về nguyên nhân khách quan, mặc dù Luật Doanh nghiệp 1999 và 2005 đã đơn giản hóa thủ tục đăng ký kinh doanh, minh bạch hóa các điều kiện kinh doanh, công khai hóa một nguyên tắc, một tư tưởng lớn là DN có quyền tự do kinh doanh những gì pháp luật không cấm nhưng việc vận dụng, khai thác được những ưu điểm của Luật DN thì đang còn hạn chế. Thứ nhất là

hệ thống pháp luật sau đăng ký ki doanh còn có nhiều vấn đề từ pháp lu liên quan đến đất đai, vốn... đến c điều kiện kinh doanh, các giấy ph theo pháp luật và những giấy phép c trái pháp luật... Chúng ta đang từ bước rà soát lại theo đúng tinh thi của Luật Doanh nghiệp là điều gì b hợp lý, trái pháp luật thì cần loại bỏ t tạo thuận lợi cho sự phát triển, khuyến khích tự do kinh doanh, khuyến khích kinh doanh bình đẳng.

Thứ ba là cơ sở hạ tầng của chứn ta còn yếu, tiếp cận nguồn vốn của c DN thuộc khu vực này còn hạn chế v cuối cùng là thủ tục hành chính chụ tạo điều kiện để khuyến khích DN ph triển mạnh mẽ được.

Tính công bằng trong nhữn quy định đối xử giữa DNDD v DNNN còn có khoảng cách khá x DNDD không thể có ưu thế cơ quac chủ quản, mối quan hệ giữa các c quan nhà nước, thông tin và quyề quy định, quy hoạch ngành hay cá ưu đãi về đất đai, tín dụng... Ông nhận định như thế nào về nhữn khía cạnh này?

Chính sách chung của Đảng và Nhà nước, pháp luật chung thì không có phân biệt đối xử. Nghị quyết của các Đại hội Đảng hay các Nghị quyết của Trung ương, của Bộ Chính trị và các văn bản pháp luật nói chung, đều quy định các thành phần kinh tế là bình đẳng trước pháp luật. Và chúng ta cũng đã làm từng bước một để xây dựng khung pháp luật theo hướng đó, ví dụ như Luật Doanh nghiệp năm 2005 đã quy định đến 1/7/2010 các DNNN phải chuyển đổi hoạt động theo Luật DN, Luật Đầu tư 2005 áp dụng chung mà không phân biệt theo thành phần đầu tư ấy là DN nhà nước, DNDD, hay DN có vốn đầu tư nước ngoài. Một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật cũng được

thiết kế trên tinh thần là tạo ra một môi trường kinh doanh công bằng và bình đẳng trước pháp luật. Thế nhưng vấn đề còn lại là tại sao khi áp dụng, ở một số cán bộ, một số ngành, địa phương vẫn có sự không bình đẳng, phân biệt đối xử? Thứ nhất, một số người cho rằng một khi DNNN là chủ đạo, thì DNNN phải có thị phần lớn, phải bao trùm hầu hết các lĩnh vực, phải có tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế. Trong lúc đó, chủ đạo phải được hiểu là DNNN cần, làm những gì mà xã hội, người dân cần DNDD không làm vì một là họ không muốn làm do không có hoặc có ít lợi nhuận, hai là họ muốn làm nhưng không thể làm được hoặc vì hạn chế về quy mô hoặc vì công nghệ.



Môi trường kinh doanh không bình đẳng đã kìm hãm sức phát triển của các DNDD

Tính chủ đạo của DNNN còn được hiểu là trong những lĩnh vực kinh doanh khác nếu DNNN đã làm thì phải chủ đạo về chất lượng, năng suất và hiệu quả, có tính tiên phong, mở đường, đột phá những lĩnh vực mới, khai thác những thị trường mới, làm đầu tàu cho những thành phần kinh tế khác cùng tiến hoặc trở thành hạt nhân có các "vệ tinh" là các DNDD khác. Chúng ta hiểu chủ đạo là như vậy. Nhưng trong khi áp dụng, một số cơ quan nhà nước và DNNN hiểu theo nghĩa khác, khiến cho việc đầu tư tràn lan hoặc khép kín, ít tạo "đất" cho DNDD, khiến cho các DNDD rất khó có khả năng phát triển mạnh mẽ. Ngoài ra, DNDD rất khó tiếp cận về

các dự án lớn, về thông tin quy hoạch, kế hoạch kinh tế nói chung, ngành, lĩnh vực nói riêng. Ví dụ như đất đai, xây dựng, đấu thầu các dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách, vốn nước ngoài. Hệ quả là DNDD rất chậm lớn trong một môi trường kinh doanh chưa thật cởi mở.

Tính minh bạch trong môi trường đầu tư cũng còn thấp nên chi phí không chính thức của các DN khá lớn. Có cách nào cải thiện được tình trạng này không, thưa ông?

Tính minh bạch được hiểu ở hai phương diện, một là phải công khai các thông tin, công khai chính sách, pháp luật cho các DN biết. Hai là họ phải được tham gia vào quá trình hoạch định chính sách, tham gia góp ý, xây dựng văn

bản quy phạm pháp luật, để từ đó họ dự liệu được những rủi ro, khai thác những cơ hội có thể có khi chính sách mới được ban hành. Hiểu trên hai khía cạnh như vậy thì rõ ràng hiện nay các DNDD đang gặp phải khó khăn. Minh bạch trong quản trị quốc gia nói chung và minh bạch trong việc xây dựng một môi trường pháp luật kinh doanh nói riêng là vấn đề trọng yếu bởi vì có minh bạch thì người dân mới có thể yên tâm để đầu tư lớn, đầu tư lâu dài được. Qua các cuộc điều tra môi trường kinh doanh cấp tỉnh (PCI) trong 4 năm qua với hơn 20.000 lượt DN tham gia

(Xem tiếp trang 94)

Chủ trương, chính sách...

(Tiếp theo trang 27)

thì chỉ số về minh bạch là thấp. Rất ít tỉnh được DN xếp loại cao về chỉ số này, chúng ta cần phải làm nhiều hơn nữa để cải thiện tính minh bạch.

Theo ông, để cải thiện về tính minh bạch này thì phải làm gì?

Theo tôi phải ưu tiên lựa chọn mấy việc, thứ nhất là phải thực hiện tốt Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực từ 1/7/2009 trong đó đã quy định rất rõ nghĩa vụ cơ quan nhà nước muốn ban hành các văn bản quy phạm pháp luật phải lấy ý kiến của các đối tượng có liên quan. Thứ hai là phải làm cho thật tốt Luật Tiếp cận thông tin mà chúng ta đang xây dựng, để cho người dân, DN được quyền tiếp cận thông tin nhanh nhất, nhiều nhất, thuận tiện nhất và ít chi phí nhất. Thứ ba là sớm thông qua Luật về Hội và cuối cùng là ban hành Luật Thủ tục hành chính.

Đã có nghiên cứu cho thấy, chỉ có 11,8% DN sử dụng Tòa án là một trong ba cách thức đầu tiên giải quyết tranh chấp. Thưa ông, con số này cho thấy điều gì, ý thức pháp luật của DN hay năng lực và mức độ khách quan, minh bạch của hệ thống Tòa án hiện nay?

Để một quốc gia phát triển bền vững thì cải cách về môi trường pháp luật nói chung, cải cách tư pháp nói riêng là rất cần được ưu tiên lựa chọn. Cho nên các Nghị quyết gần đây như Nghị quyết 48, Nghị quyết 49 của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp, theo tôi là hoàn toàn phù hợp. Với số liệu như trên cho thấy Tòa án đang cần có những bước cải cách mạnh mẽ cả về hệ thống tổ chức để gần dân, gần DN hơn cả về tố tụng để bảo đảm minh bạch,

công khai hơn, dễ tiếp cận hơn, nhanh hơn và công bằng hơn.

Gần đây, các Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán TANDTC

thường xuyên được tổng kết và công bố, cũng như công bố một số án giám đốc thẩm cần được làm thường xuyên hơn, kể cả án phúc thẩm. Còn tại sao DN vẫn chưa tin tưởng ở Tòa án theo tôi một phần là do thói quen hành xử của DN từ trước tới giờ là quen dựa vào các cơ quan hành chính Nhà nước, tức là muốn giải quyết các khiếu nại, tranh chấp theo thủ tục hành chính. Nhưng phần chủ yếu là do việc giải quyết ở Tòa án hiện nay chưa thật công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho DN, luật sư được quyền bảo vệ, tranh tụng một cách công khai và bình đẳng. Tiếp nữa, trong điều kiện hệ thống pháp luật thành văn hiện nay còn quá nhiều bất cập, việc giải thích pháp luật còn quá hiếm hoi, Tòa án chưa có thẩm quyền tạo ra hệ thống án lệ, bổ sung cho các văn bản pháp luật thì niềm tin của DN, người dân đối với hệ thống tòa án sẽ còn chưa cao. Ngoài ra, hiệu lực, hiệu quả của việc thi hành án chưa cao cũng góp phần làm giảm lòng tin của DN.

Nếu chọn một vài việc cần giải quyết ngay để cho khối DNDD phát triển, ông sẽ chọn những việc gì?

Qua khảo sát ý kiến của cộng đồng DN thì có 3 việc cần làm trước. Một là tập trung gấp rút xây dựng hệ thống hạ tầng cơ sở nhất là đường sá, cảng, điện...; hai là nâng cao chất lượng nguồn lao động, cải cách sâu sắc mạnh mẽ toàn bộ hệ thống giáo dục từ phổ thông đến đại học, dạy nghề..., hướng về phục vụ DN, hướng về thị trường; thứ ba là cải cách hành chính một cách toàn diện bao gồm thể chế, bộ máy, con người và thủ tục.

Xin cảm ơn ông!